

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.095.412.370.371</b>	<b>578.110.407.606</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>11.152.904.699</b>	<b>25.502.815.111</b>
111	1. Tiền		11.152.904.699	25.502.815.111
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>672.232.407.293</b>	<b>339.679.997.858</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	559.298.167.131	345.650.623.244
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	123.465.428.449	10.074.423.298
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	22.817.943.911	17.364.083.514
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.349.132.198)	(33.409.132.198)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	10	<b>403.748.137.238</b>	<b>200.543.434.511</b>
141	1. Hàng tồn kho		403.748.137.238	200.543.434.511
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.278.921.141</b>	<b>12.384.160.126</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.156.747.606	7.670.984.636
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.122.173.535	4.713.175.490
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>424.917.466.608</b>	<b>509.175.931.761</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>104.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	104.000.000.000	130.000.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>175.214.358.773</b>	<b>242.655.370.663</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	160.237.791.010	227.330.415.313
222	- Nguyên giá		388.948.422.698	419.760.486.019
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(228.710.631.688)	(192.430.070.706)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	14.976.567.763	15.324.955.350
228	- Nguyên giá		18.322.489.829	18.322.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.345.922.066)	(2.997.534.479)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	11	<b>33.464.848.723</b>	<b>26.815.009.675</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		33.464.848.723	26.815.009.675
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>100.863.265.127</b>	<b>93.228.709.584</b>
251	0. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		100.863.265.127	93.228.709.584
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>11.374.993.985</b>	<b>16.476.841.839</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	11.374.993.985	16.476.841.839
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.520.329.836.979</b>	<b>1.087.286.339.367</b>

0026770  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ÔNG THÉP  
VIỆT - Đ  
VG PIPE  
TUẤN - T.V



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

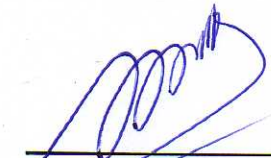
Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>936.628.763.054</b>	<b>557.950.615.425</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>906.634.948.504</b>	<b>520.357.656.875</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	340.936.280.225	129.778.614.325
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		498.882.985	2.721.519.663
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.077.293.793	7.056.218.134
314	4. Phải trả người lao động		9.324.428.351	8.441.972.289
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.724.169.303	2.738.540.710
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		858.006.186	1.153.443.636
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.320.070.962	924.101.047
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	523.785.935.258	358.565.831.358
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.109.881.441	8.977.415.713
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>29.993.814.550</b>	<b>37.592.958.550</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	20.613.910.700	20.213.054.700
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	9.379.903.850	17.379.903.850
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>583.701.073.925</b>	<b>529.335.723.942</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>583.701.073.925</b>	<b>529.335.723.942</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	67.810.722.053
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(15.990.198.846)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		30.404.972.177	23.960.752.124
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.560.759.181	372.666.308
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		105.828.852.936	77.123.310.753
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		37.459.597.795	39.845.962.426
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		68.369.255.141	37.277.348.327
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		74.002.932	61.371.550
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.520.329.836.979</b>	<b>1.087.286.339.367</b>



Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 01 năm 2017



Nguyễn Hữu Thể  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	01/10/2016	01/10/2015	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			31/12/2016	31/12/2015	đến 31/12/2016	đến 31/12/2015
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.441.685.173.097	797.393.019.173	4.579.290.686.047	3.444.877.662.763
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	8.453.093.473	5.405.142.433	28.385.358.153	16.387.035.564
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.433.232.079.624	791.987.876.740	4.550.905.327.894	3.428.490.627.199
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.363.340.973.560	742.896.321.073	4.301.381.574.111	3.274.378.935.139
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.891.106.064	49.091.555.667	249.523.753.783	154.111.692.060
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	3.367.554.719	5.846.779.111	13.711.170.567	19.490.052.653
22	7. Chi phí tài chính	26	9.573.977.414	7.348.725.827	33.083.685.910	37.372.378.832
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.571.166.558	7.214.894.481	33.076.283.827	36.921.124.331
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(752.737.664)	7.235.435.599	5.349.458.629	11.157.480.464
25	9. Chi phí bán hàng	27	31.622.327.661	12.720.085.771	102.111.769.321	48.538.104.795
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	9.249.255.230	19.492.729.013	31.292.895.396	43.702.267.012
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.060.362.814	22.612.229.766	102.096.032.352	55.146.474.538
31	12. Thu nhập khác	29	85.717.179	179.508.034	114.441.650	416.249.496
32	13. Chi phí khác	30	1.294.622.579	499.010.573	4.754.718.305	881.573.406
40	14. Lợi nhuận khác		(1.208.905.400)	(319.502.539)	(4.640.276.655)	(465.323.910)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.851.457.414	22.292.727.227	97.455.755.697	54.681.150.628
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	3.607.786.425	3.173.394.827	15.936.357.665	8.772.687.660





**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	01/10/2016	01/10/2015	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			31/12/2016	31/12/2015	đến 31/12/2016	đến 31/12/2015
			VND	VND	VND	VND
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.243.670.989	19.119.332.400	81.519.398.032	45.908.462.968
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		17.239.336.247	19.119.014.839	81.504.537.583	45.904.176.321
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		4.334.742	317.561	14.860.449	4.286.647
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32			2.264	1.275



Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 01 năm 2017



Nguyễn Hữu Thế

Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 31/12/2016	đến 31/12/2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		97.455.755.697	54.681.150.628
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		63.309.300.643	32.413.899.225
03	- Các khoản dự phòng		(60.000.000)	19.960.553.187
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.726.288.647)	(28.535.094.823)
06	- Chi phí lãi vay		33.076.283.827	36.921.124.331
08	13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		178.055.051.520	115.441.632.548
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(335.211.778.591)	172.606.968.371
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(203.204.702.727)	144.043.223.323
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		209.587.934.944	(87.382.243.488)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.616.084.884	(1.487.318.316)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(32.957.231.496)	(37.022.252.843)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.348.337.139)	(5.909.556.765)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.000.000	30.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.338.232.727)	(1.239.810.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(187.781.211.332)	299.080.642.830
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.200.669.711)	(44.173.038.786)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.634.469.281	1.432.597.996
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		26.000.000.000	30.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	9.723.608.376
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.735.273.758	18.250.582.574
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		34.169.073.328	15.233.750.160
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		18.014.863.492	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		3.459.889.195.363	2.840.098.515.223
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(3.302.669.091.463)	(3.128.452.914.327)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.972.739.800)	(8.991.888.950)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		139.262.227.592	(297.346.288.054)





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 31/12/2016	đến 31/12/2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(14.349.910.412)	16.968.104.936
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		25.502.815.111	8.534.710.175
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>11.152.904.699</u>	<u>25.502.815.111</u>

  
Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 01 năm 2017



  
Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.007.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Tổng số Công ty con: 01
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### 2.4 . Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.



**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	03 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm



Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m<sup>2</sup> đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m<sup>2</sup> đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m<sup>2</sup> đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m<sup>2</sup> tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao nên Công ty đã thực hiện áp dụng mức khấu hao bằng 2 lần mức hao theo đường thẳng đối với toàn bộ tài sản cố định (trừ nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất) để xác định kết quả sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

## **2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau: Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC. Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

## **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.



**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán .

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



## **2.18 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

### 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	153.110.791	500.738.916
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.999.793.908	25.002.076.195
	<u><u>11.152.904.699</u></u>	<u><u>25.502.815.111</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2016				01/01/2016			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo Phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo Phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	91.249.113.855	Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	83.782.608.611
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	9.614.151.272	Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	9.446.100.973
				<b>100.863.265.127</b>				<b>93.228.709.584</b>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 35.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	204.337.959.560	112.450.781.393
- Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	31.222.004.602	34.486.001.583
- Công ty CP TM và Vận tải Việt Đức	63.514.915.420	-
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	123.483.056.043	88.035.311.117
- Các khoản phải thu khách hàng khác	136.740.231.506	110.678.529.151
	<b>559.298.167.131</b>	<b>345.650.623.244</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	<b>1.350.382.939</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.		

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Chi tiết theo người bán có số dư lớn</b>				
- Công ty CP Bình Minh Vĩnh Phúc	-	-	2.600.753.374	-
- Công ty cổ phần thương mại Hiệp Hương	31.000.000.000	-	-	-
- Sunshine Technology	-	-	1.746.174.670	-
- Công ty CP Thương mại Thái Hưng	62.155.000.000	-	-	-
- Công ty cổ phần Thép Hòa Phát	21.829.500.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	8.480.928.449	-	5.727.495.254	-
	<b>123.465.428.449</b>	<b>-</b>	<b>10.074.423.298</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	104.000.000.000	130.000.000.000
	<b>104.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.026.111.111	-	1.336.482.222	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	6.357.533	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	22.278.525	-
Tạm ứng	822.329.488	-	11.919.382.079	-
Ký cược, ký quỹ	20.422.200.000	-	3.881.356.050	-
Phải thu khác	547.303.312	-	198.227.105	-
	<b>22.817.943.911</b>	<b>-</b>	<b>17.364.083.514</b>	<b>-</b>

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu	Giá gốc	Giá trị có thể thu
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
- Công ty TNHH Trường Quang	9.866.128.448	-	9.926.128.448	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	-
	<b>33.349.132.198</b>	<b>-</b>	<b>33.409.132.198</b>	<b>-</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	25.534.917.784	-	35.944.867.926	-
Nguyên liệu, vật liệu	237.141.022.280	-	67.584.777.661	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.246.946.439	-	11.349.981.334	-
Thành phẩm	105.985.687.546	-	82.152.518.474	-
Hàng hoá	26.839.563.189	-	3.511.289.116	-
	<b>403.748.137.238</b>	<b>-</b>	<b>200.543.434.511</b>	<b>-</b>

Trong đó: Một số hàng tồn kho luân chuyển được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số 19).



**11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	26.838.109.675	26.815.009.675
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh (1)	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh (2)	18.250.076.663	18.226.976.663
- Chi phí quyền sử dụng đất Miền Nam	13.487.558	13.487.558
Mua sắm tài sản cố định	6.626.739.048	-
- Lắp đặt dây truyền máy móc thiết bị	6.626.739.048	-
	<u><b>33.464.848.723</b></u>	<u><b>26.815.009.675</b></u>

- (1) Chi phí đang tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 có chức năng xây dựng công trình công cộng tại Khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng kinh tế số 16/HUD-SGDBĐS ngày 29/01/2010. Tuy nhiên theo Công văn phúc đáp mới nhất của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD) ngày 10/12/2015, hiện tại lô đất CC4 thuộc giai đoạn 2 dự án Khu đô thị mới Vân Canh phải tạm dừng triển khai chờ điều chỉnh quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch phân khu đô thị S2.
- (2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, Công ty tạm dừng đầu tư trong thời gian chờ phê duyệt dự án của Thủ tướng chính phủ theo quy định về thay đổi thẩm quyền phê duyệt dự án. Ngày 23/11/2015, theo Công văn số 2124/TTg-KTN của Thủ tướng Chính Phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất thi dự án có đầy đủ cơ sở pháp lý để thực hiện. Hiện nay, Công ty đang trong quá trình kêu gọi các nhà đầu tư góp vốn tiếp tục thực hiện dự án. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 18.
- (3) Dự án xây dựng dây chuyền mạ dài liên tục 3 được bắt đầu thực hiện từ đầu năm 2016 và dự kiến hoàn thành trong năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	103.425.000	18.322.489.829
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>18.219.064.829</b>	<b>103.425.000</b>	<b>18.322.489.829</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.894.109.479	103.425.000	2.997.534.479
- Khấu hao trong kỳ	348.387.587	-	348.387.587
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.242.497.066</b>	<b>103.425.000</b>	<b>3.345.922.066</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	15.324.955.350	-	15.324.955.350
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>14.976.567.763</b>	<b>-</b>	<b>14.976.567.763</b>

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.156.747.606	5.810.875.624
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	1.783.543.082
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	76.565.930
	<b>1.156.747.606</b>	<b>7.670.984.636</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.235.082.357	6.411.546.952
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	2.520.000.000	3.600.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.384.285.241	5.153.770.814
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	233.808.017	1.267.078.683
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.818.370	44.445.390
	<b>11.374.993.985</b>	<b>16.476.841.839</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	67.809.748.960	67.809.748.960	59.109.193.116	59.109.193.116
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	65.372.867.565	65.372.867.565	8.833.147.921	8.833.147.921
- Công ty TNHH SX và KD Mai Linh	20.263.761.100	20.263.761.100	-	-
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	33.446.609.757	33.446.609.757	1.065.553.940	1.065.553.940
- Smarting Steel ltd	25.534.917.784	25.534.917.784	-	-
- Công ty TNHH TEWOO(H.K)	-	-	19.007.361.582	19.007.361.582
- Phải trả các đối tượng khác	128.508.375.059	128.508.375.059	41.763.357.766	41.763.357.766
	<b>340.936.280.225</b>	<b>340.936.280.225</b>	<b>129.778.614.325</b>	<b>129.778.614.325</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.833.112.967	124.131.240.259	126.705.491.970	-	258.861.256
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	303.565.537	303.565.537	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.144.337.139	16.072.998.423	14.484.977.897	-	5.732.357.665
Thuế Thu nhập cá nhân	-	78.768.028	2.150.742.300	2.143.435.456	-	86.074.872
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	528.106.500	528.106.500	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>7.056.218.134</b>	<b>143.189.653.019</b>	<b>144.168.577.360</b>	-	<b>6.077.293.793</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	167.677.400	48.625.069
- Chi phí phải trả khác	3.556.491.903	2.689.915.641
	<b><u>3.724.169.303</u></b>	<b><u>2.738.540.710</u></b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	438.329.887	743.689.764
- Bảo hiểm y tế	12.438.700	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.303.660
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	209.677.823	179.107.623
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.659.624.552	-
	<b><u>2.320.070.962</u></b>	<b><u>924.101.047</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.145.910.700	1.745.054.700
- Phải trả Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức (*)	18.468.000.000	18.468.000.000
	<b><u>20.613.910.700</u></b>	<b><u>20.213.054.700</u></b>

(\*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong kỳ		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>351.665.831.358</b>	<b>351.665.831.358</b>	<b>3.459.889.195.363</b>	<b>3.295.769.091.463</b>	<b>515.785.935.258</b>	<b>515.785.935.258</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (1)	178.082.470.452	178.082.470.452	2.035.010.939.366	1.918.000.070.532	295.093.339.286	295.093.339.286
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên (2)	99.703.408.077	99.703.408.077	804.257.162.577	806.121.469.372	97.839.101.282	97.839.101.282
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (3)	46.239.817.489	46.239.817.489	365.221.093.420	341.607.416.219	69.853.494.690	69.853.494.690
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)	13.724.500.000	13.724.500.000	255.400.000.000	216.124.500.000	53.000.000.000	53.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc	13.915.635.340	13.915.635.340	-	13.915.635.340	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>6.900.000.000</b>	<b>6.900.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>6.900.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	6.900.000.000	6.900.000.000	8.000.000.000	6.900.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	<b>358.565.831.358</b>	<b>358.565.831.358</b>	<b>3.467.889.195.363</b>	<b>3.302.669.091.463</b>	<b>523.785.935.258</b>	<b>523.785.935.258</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	24.279.903.850	24.279.903.850	-	8.000.000.000	16.279.903.850	16.279.903.850
	<b>24.279.903.850</b>	<b>24.279.903.850</b>	<b>-</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>16.279.903.850</b>	<b>16.279.903.850</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.900.000.000)	(6.900.000.000)	(8.000.000.000)	(6.900.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>17.379.903.850</b>	<b>17.379.903.850</b>			<b>9.379.903.850</b>	<b>9.379.903.850</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>67.810.722.053</b>	<b>(15.990.198.846)</b>	<b>20.882.164.713</b>	-	<b>48.844.842.617</b>	<b>651.631.717</b>	<b>498.196.262.254</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	45.904.176.321	4.286.647	45.908.462.968
Phân phối lợi nhuận Công ty mẹ	-	-	-	2.705.398.581	-	(6.763.496.454)	-	(4.058.097.873)
Phân phối lợi nhuận Công ty con	-	-	-	372.666.308	372.666.308	(1.863.331.540)	(699.186)	(1.118.698.110)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	(9.000.827.500)	-	(9.000.827.500)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ biểu quyết Công ty con trong năm trước	-	-	-	522.522	-	1.947.309	(2.469.831)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(591.377.797)	(591.377.797)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>67.810.722.053</b>	<b>(15.990.198.846)</b>	<b>23.960.752.124</b>	<b>372.666.308</b>	<b>77.123.310.753</b>	<b>61.371.550</b>	<b>529.335.723.942</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>67.810.722.053</b>	<b>(15.990.198.846)</b>	<b>23.960.752.124</b>	<b>372.666.308</b>	<b>77.123.310.753</b>	<b>61.371.550</b>	<b>529.335.723.942</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	81.504.537.583	14.860.449	81.519.398.032
Phân phối lợi nhuận Công ty mẹ	-	-	-	5.256.127.181	-	(13.140.317.952)	-	(7.884.190.771)
Phân phối lợi nhuận Công ty con	-	-	-	1.188.092.872	1.188.092.873	(3.655.367.448)	(2.229.067)	(1.281.410.770)
Bán cổ phiếu quỹ	-	2.024.664.646	15.990.198.846	-	-	-	-	18.014.863.492
Chi cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(36.003.310.000)	-	(36.003.310.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>69.835.386.699</b>	<b>-</b>	<b>30.404.972.177</b>	<b>1.560.759.181</b>	<b>105.828.852.936</b>	<b>74.002.932</b>	<b>583.701.073.925</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
<b>Vốn góp của các cổ đông</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>360.033.100.000</b>	<b>95,75%</b>
- Ông Lê Minh Hải	28.575.000.000	7,60%	22.660.000.000	6,03%
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000	6,28%
- Các cổ đông khác	323.797.110.000	86,12%	313.748.110.000	83,44%
- Cổ phiếu quỹ	-	0,00%	15.964.000.000	4,25%
	<b>375.997.100.000</b>	<b>100%</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp đầu kỳ	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp cuối kỳ	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(36.003.310.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(36.003.310.000)	-
<b>d) Cổ phiếu</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	1.596.400
- Cổ phiếu phổ thông	-	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.599.710	36.003.310
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.404.972.177	23.960.752.124
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.560.759.181	372.666.308
	<b>31.965.731.358</b>	<b>24.333.418.432</b>
<b>21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.189,17	7.009,68
<b>22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.776.252.184.434	1.461.529.696.317
Doanh thu bán thành phẩm	2.793.944.107.320	1.977.660.467.936
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.094.394.293	5.687.498.510
	<b>4.579.290.686.047</b>	<b>3.444.877.662.763</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	<b>10.529.750.328</b>	<b>29.205.881.449</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	27.888.135.195	15.101.909.864
Hàng bán bị trả lại	402.066.204	899.634.807
Giảm giá hàng bán	95.156.754	385.490.893
	<b>28.385.358.153</b>	<b>16.387.035.564</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.765.070.425.224	1.438.605.450.693
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.524.512.296.465	1.830.224.021.013
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.798.852.422	5.549.463.433
	<b>4.301.381.574.111</b>	<b>3.274.378.935.139</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	13.424.902.647	17.515.731.463
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	78.773.282
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	286.267.920	1.895.547.908
	<b>13.711.170.567</b>	<b>19.490.052.653</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	33.076.283.827	36.921.124.331
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	129.715.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.402.083	321.538.689
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	-
	<b>33.083.685.910</b>	<b>37.372.378.832</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.294.648.726	669.212.696
Chi phí nhân công	15.209.737.534	10.888.183.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.395.139.221	1.038.253.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.361.098.860	34.472.516.610
Chi phí khác bằng tiền	2.851.144.980	1.469.938.797
	<b><u>102.111.769.321</u></b>	<b><u>48.538.104.795</u></b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.459.673.237	1.360.444.828
Chi phí nhân công	18.412.663.731	13.843.939.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.813.272.462	2.935.583.909
Thuế, phí, lệ phí	1.525.785.427	1.357.546.849
Chi phí dự phòng	(60.000.000)	19.960.553.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.547.171.219	2.191.713.997
Chi phí khác bằng tiền	3.594.329.320	2.052.484.908
	<b><u>31.292.895.396</u></b>	<b><u>43.702.267.012</u></b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	22.973.000	(6.460.869)
Tiền đền bù tổn thất	78.977.500	421.891.511
Thu nhập khác	12.491.150	818.854
	<b><u>114.441.650</u></b>	<b><u>416.249.496</u></b>

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.411.391.837	1.940.423
Các khoản bị phạt	237.245.183	235.000.000
Khấu hao TSCĐ vượt quy định	1.008.439.993	
Chi phí khác	97.641.292	644.632.983
	<b><u>4.754.718.305</u></b>	<b><u>881.573.406</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	15.936.357.665	8.899.417.467
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(126.729.807)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>15.936.357.665</u></b>	<b><u>8.772.687.660</u></b>
Ảnh hưởng khi thanh lý Công ty con	-	27.706.471
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	4.144.337.139	1.253.499.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(14.348.337.139)	(5.909.556.765)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b><u>5.732.357.665</u></b>	<b><u>4.144.337.139</u></b>

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	81.504.537.583	45.904.176.321
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	81.504.537.583	45.904.176.321
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.003.310	36.003.310
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.264</u></b>	<b><u>1.275</u></b>

**33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.765.558.749.167	1.776.252.184.434	9.094.394.293	4.550.905.327.894	4.550.905.327.894
Chi phí bộ phận trực tiếp	2.524.512.296.465	1.765.070.425.224	11.798.852.422	4.301.381.574.111	4.301.381.574.111
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>241.046.452.702</b>	<b>11.181.759.210</b>	<b>(2.704.458.129)</b>	<b>249.523.753.783</b>	<b>249.523.753.783</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	10.200.669.711	-	-	10.200.669.711	10.200.669.711
Tài sản bộ phận	870.630.707.362	315.136.586.338	46.201.495.342	1.231.968.789.042	1.231.968.789.042
Tài sản không phân bổ	-	-	-	288.361.047.937	288.361.047.937
<b>Tổng tài sản</b>	<b>870.630.707.362</b>	<b>315.136.586.338</b>	<b>46.201.495.342</b>	<b>1.520.329.836.979</b>	<b>1.520.329.836.979</b>
Nợ phải trả bộ phận	445.316.328.386	456.102.288.087	3.003.916.886	904.422.533.359	904.422.533.359
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	32.206.229.695	32.206.229.695
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>445.316.328.386</b>	<b>456.102.288.087</b>	<b>3.003.916.886</b>	<b>936.628.763.054</b>	<b>936.628.763.054</b>

**Theo khu vực địa lý**

Hơn 90% hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 31/12/2016	đến 31/12/2015
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		<b>10.529.750.328</b>	<b>29.205.881.449</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	7.806.795.517	27.620.752.530
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	2.722.954.811	1.585.128.919
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>4.102.861.099</b>	<b>5.283.509.077</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	126.660.000	297.779.802
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	3.976.201.099	4.985.729.275

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>2.775.606.572</b>	<b>1.417.821.288</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	2.775.606.572	1.231.251.360
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	-	119.131.579
<b>Phải trả tiền hàng</b>		<b>568.678.274</b>	<b>67.438.349</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	568.678.274	67.438.349
<b>Cho vay dài hạn</b>		<b>104.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	104.000.000.000	130.000.000.000
<b>Phải thu lãi cho vay</b>		<b>1.026.111.111</b>	<b>1.336.482.222</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.026.111.111	1.336.482.222
<b>Phải trả khác</b>		<b>18.468.000.000</b>	<b>18.468.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000	18.468.000.000

(\*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 31/12/2016	đến 31/12/2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.176.000.000	716.000.000


**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.



---

**Nguyễn Thị Thúy**  
Kế toán trưởng

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 01 năm 2017



---

**Nguyễn Hữu Thế**  
Tổng Giám đốc

